

# 1. NỘI QUY PHÒNG THỰC HÀNH/THÍ NGHIỆM



# 1. NỘI QUY PHÒNG THỰC HÀNH/THÍ NGHIỆM

Nội quy phòng thực hành/thí nghiệm PHẢI bao gồm đầy đủ những nội dung sau :

**+ Điều kiện được vào phòng thực hành thí nghiệm :**

Ví dụ : Nằm trong danh sách đăng ký / có sự cho phép của GV.

Phải đạt được yêu cầu kiểm tra về an toàn/nội quy.

**+ Thời gian làm việc tại phòng thực hành / thí nghiệm :**

Ví dụ : phòng thực hành/ thí nghiệm làm việc từ 7h-17h

**+ Quy định về bảo hộ lao động tại phòng thí nghiệm :**

Vidụ : phải mang kính bảo hộ, khẩu trang,....

# 1. NỘI QUY PHÒNG THỰC HÀNH/ THÍ NGHIỆM

Nội quy phòng thực hành/thí nghiệm PHẢI bao gồm đầy đủ những nội dung sau (tt):

**+ Trách nhiệm trong quá trình thực hành thí nghiệm :**

Ví dụ : Trưởng nhóm phải ghi vào sổ nhật ký thực hành/thí nghiệm.

Sinh viên tham gia thực hành thí nghiệm phải tham gia vệ sinh PTN

**+ Tuyệt đối tuân thủ :**

Ví dụ : Quy định vận hành, Khu vực được phép ra vào, làm việc mới hóa chất phải nắm vững MSDS ..., Bỏ rác và hóa chất đúng nơi quy định

**+ Tuyệt đối KHÔNG được làm :**

Ví dụ : Tiếp khách tại phòng thực hành/thí nghiệm. Không phận sự không được vào phòng

Tự ý vận hành máy móc trang thiết bị hay đi vào khu vực không liên quan đến hoạt động thực hành/thí nghiệm

Không đùa nghịch trong phòng thí nghiệm

# 1. NỘI QUY PHÒNG THỰC HÀNH/THÍ NGHIỆM

---

Nội quy phòng thực hành/thí nghiệm **PHẢI** bao gồm đầy đủ những nội dung sau (tt) :

## **+ HẬU QUẢ NÉN VI PHẠM :**

- Sinh viên vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định, cụ thể:
- Vi phạm lần 1: không được vào PTN trong 01 tuần
- Vi phạm lần 2: không được vào PTN trong 02 tuần
- Vi phạm lần 3: không được vào PTN trong 01 tháng
- Vi phạm lần 4: không được vào PTN trong 01 học kỳ

## 2. TIÊU LỆNH PHÒNG CHÁY / CHỮA CHÁY VÀ THIẾT BỊ PCCC



## ANNALS

(Please ensure that this MSDS is received by the appropriate person)

UN161: Acetic anhydride

Revision: 2

Net Wt.: 1000g	
1. PRODUCT AND COMPANY IDENTIFICATION	
Product Name	Acetic anhydride
Chemical Formula	CH <sub>3</sub> CO
Trade name	Acetic anhydride
Colour coding	(Blue body with a Red R 11) identification label, and a yellow hazard warning label below the red label
Net Wt.	Gross 40.05 net wt. = 5.867 kg in round metal
Company Identification	Johnson Dignity Limited 20 Windsor Street Johannesburg, 2001 Tel No: (011) 439 0400 Fax No: (011) 494 0500
EMERGENCY NUMBER	(002) 71 100 or (011) 475 4000 (at home)

2. COMPOSITION INFORMATION ON HIGH CONTENTS	
Chemical Name	Acetic anhydride
Chemical Formula	CH <sub>3</sub> CO
Approximate	Acetic anhydride, 99.97
UN No.	2052
LD <sub>50</sub> No.	1000
LD <sub>50</sub> No.	100
Hazchem	Washing, Corrosive, Flammable

3. HAZARD IDENTIFICATION	
Health Hazards: Irritation or corrosion to exposed tissues. Inhalation or exposure may result in pulmonary oedema and chemical pneumonitis. Contact with liquid product may cause irritation or tissue damage on exposed tissues. All cylinders are portable gas cylinders and use of the regulated pressure vessels at all times.	
Adverse Health Effects: Inhalation of high concentrations produces direct irritating effect to the nasal cavity and the respiratory tract. If rapid exposure is not possible, severe to very irritating pulmonary oedema and death can result from concentrations as low as 1000 ppm. Irritation and corrosion.	
Ecological Hazards: Because of its alkaline properties, long-term exposure to flora can cause damage. Aquatic fauna can also be affected should the pH of their environment change due to long-term exposure to high concentrations of acetic anhydride.	
Visible Irritation: Acetic anhydride is strongly irritant to the upper respiratory tract, where it causes an alkaline, caustic action. It produces respiratory effects such as coughing and onset of necrosis. It affects the conjunctiva and causes immediately irritation, causes acute inflammation of the respiratory organs, coughing, oedema of the lungs, (thick bronchial secretions, irritation of saliva and retention of saliva).	
Eye Contact:	Exposure to high gas concentrations may cause respiratory irritation and severe eye damage. Direct contact of the eyes with acetic anhydride causes irritation and produces severe eye burns.
Use Context:	Liquid acetic anhydride is used to produce acetic anhydride.

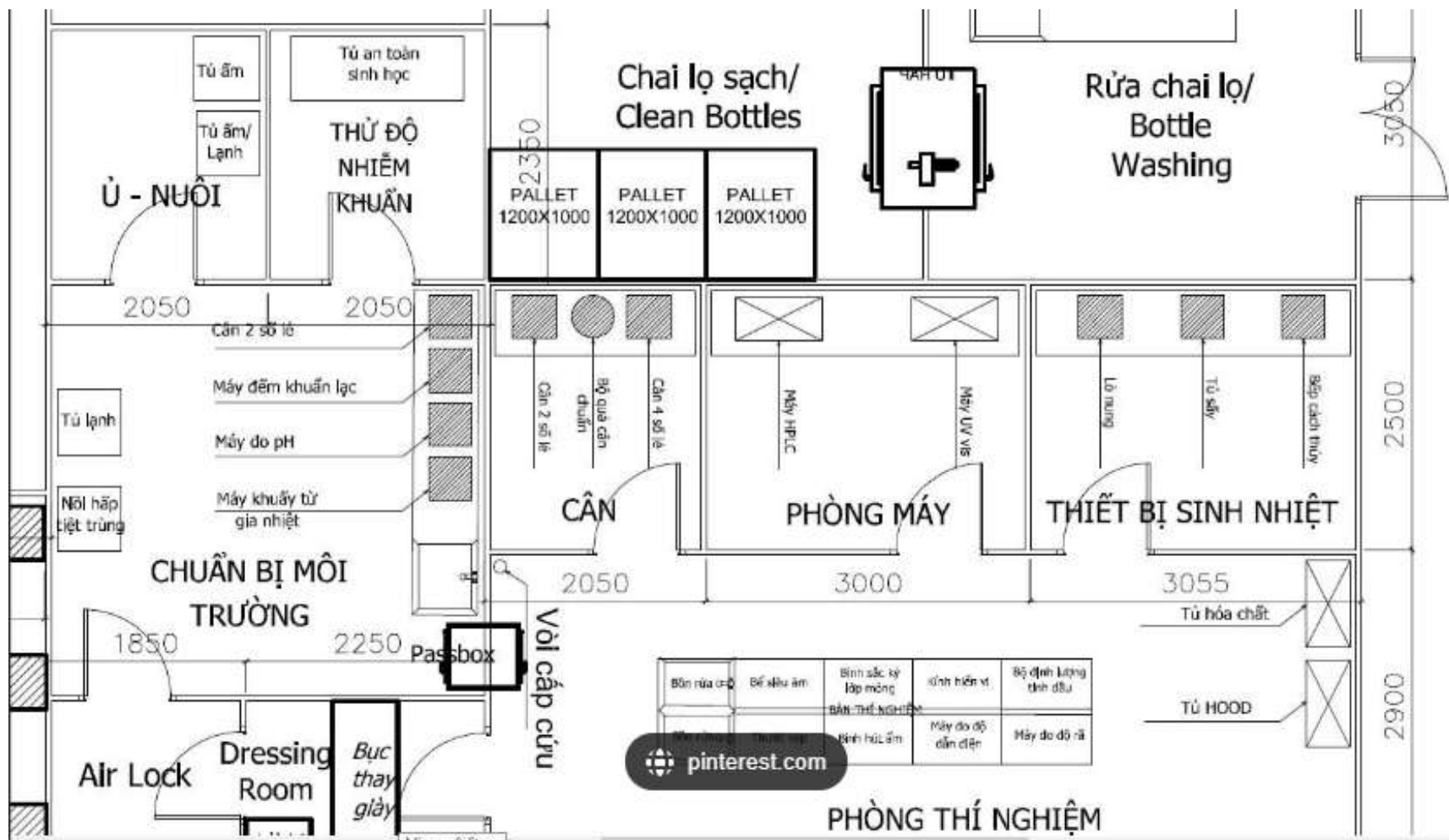
Labelling Elements Hazard Pictograms	
   	
Signal Word: Danger	
Hazard Statements: H221: Flammable gas H311: Toxic if inhaled H314: Causes severe skin burns and eye damage H332: Harmful to aquatic life	
Precautionary Statements: (SEE FIRST 16 PRECAUTIONARY STATEMENTS) P200: Do not breathe gas/vapours. P201: Do not get in eyes, on skin, or on clothing. P202: Wash hands thoroughly after handling. P271: Use only outdoors or in a well-ventilated area. P273: Avoid release to the environment. P281: Collect spillage. P284: Wear respiratory protection. P285: P286: P303+P361+P353: Remove to fresh air and rest at least 15 minutes immediately for breathing. P301: In case of inhalation: P303+P312 or P304+P340. P302: P305+P351+P338: In case of contact with eyes, rinse immediately with plenty of water for several minutes. If serious, seek medical advice. P304+P305+P338: IF SWALLOWED: Rinse mouth. Do not induce vomiting. P305+P351+P338: IF ON SKIN or on clothing: Immediately remove contaminated clothing. Wash thoroughly with plenty of soap and water. P306+P351+P353: IF IN EYES: Rinse cautiously with water for several minutes. Remove contact lenses, if present and easy to do so. Continue rinsing. P370: Leaking gas, fire. Do not extinguish, unless it can be stopped safely. P381: Avoid contact with skin and clothing for 15 minutes. P400+P401: Store in a well-ventilated place and keep container tightly closed. P403: Store locked up. P501: Do not discharge contents into the environment. Dispose of contents and container as instructed.	

# 3. MSDS SAFETY DATA SHEET

# 4. LAYOUT PHÒNG THỰC HÀNH /THÍ NGHIỆM

---







# 5. HƯỚNG DẪN SƠ CỨU/CẤP CỨU TẠI PHÒNG THỰC HÀNH/THÍ NGHIỆM

<b>ĐIỆN GIẬT</b>	 <p>Ngắt cầu dao điện</p>	<p>An toàn đưa nạn nhân ra khỏi dòng điện, dùng gậy gỗ, cây khô hoặc các vật liệu cách điện</p> 	 <p>Xử trí: ngừng tim, ngừng thở như phần trên</p>	<p><b>KHẨN BẢO CƠ QUAN CẤP CỨU GẦN NHẤT</b></p> <p><b>115</b></p> <p><b>KIÊN TRÌ CẤP CỨU NGỪNG TIM NGỪNG THỞ</b> (TRONG KHI CHỜ ĐỢI)</p>		
<b>VẾT THƯƠNG CHẢY MÁU</b>	 <ul style="list-style-type: none"> <li>Máu chảy nhiều, thành tia: ấn chặn động mạch gần tim và vết thương.</li> </ul>  <p>Máu chảy liên tục: dùng khăn sạch đè ép lên vết thương.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nạn nhân khô: tiến hành sơ cứu vết thương.</li> <li>Nạn nhân mê: cho nằm nâng vết thương cao hết tim, tiến hành chăm sóc vết thương.</li> </ul> 	<p><b>SƠ SÚC VẾT THƯƠNG</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Nếu vết thương dơ: tiến hành rửa vết thương bằng nước sạch, sát khuẩn bằng cồn.</li> <li>Vết thương sạch: sát khuẩn bằng cồn.</li> </ul>	<p>Nếu vết thương động mạch còn chảy máu sau khi băng bó vết thương thì đặt garo (ghi lại thời gian đặt garo)</p> 	<p>Nếu vết thương không đặt garo được (nách, cổ) dùng ngón tay ấn chặn liên tục lên động mạch giữa tim và vết thương</p> 	<p>Chuyển nạn nhân đến bệnh viện gần nhất bằng phương pháp thích hợp.</p> 
<b>GỠ XƯƠNG</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nạn nhân khô: bó cố định xương</li> <li>Nạn nhân mê, mạch yếu, xanh xao: khăn cấp gọi cấp cứu gần nhất.</li> </ul>	<p>Bó cố định xương cẳng tay</p> 	<p>Bó cố định xương cẳng chân</p> 	<p>Bó cố định xương đùi</p> 	<p>Bó cố định xương cột sống</p> 	<p>Giữ thẳng hàng khi di chuyển và cẩn thận nhẹ nhàng.</p>

# PHẦN 2: QUY TRÌNH QUẢN LÝ MÁY MÓC TRANG THIẾT BỊ THỰC HÀNH THÍ NGHIỆM



# YÊU CẦU CẦN ĐẠT ĐƯỢC ĐỐI VỚI PHÒNG THỰC HÀNH/ THÍ NGHIỆM



7.1.3.2 a ) Xác định, cung cấp và duy trì cơ sở vật chất an toàn.



7.1.3.2 b) Đảm bảo quy mô cơ sở vật chất phù hợp và sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của người học



Thiết bị

